

Số: /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2950/TTr-SYT ngày 24/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp

xã thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Tư pháp, Y tế (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, PCT Nguyễn Thanh Hà;
- VPUB: CVP, PVP N.X.Hải, KGVX;
- TTPVHCC: LĐ, các Phòng;
- TT CB&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT, CT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hà

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ Y TẾ, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC
VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|----------|---|--|--|--|---|
| I | Lĩnh vực An toàn thực phẩm | | | | |
| 1 | <p>Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế</p> <p>Mã TTHC: 1.013855</p> <p><i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 1 được Công bố tại Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 12/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i></p> | <p>17 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.</p> <p>(Rút ngắn 01 ngày so với quy định)</p> | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế).</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.</p> | <p>- Phí:</p> <p>+ Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở.</p> <p>+ Đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) được giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ</p> | <p>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội.</p> <p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế.</p> |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|---|---|---|---|
| | | | | <p>sở.</p> <p>+ Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng/lần/cơ sở.</p> <p>+ Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở</p> <p>- Lệ phí: không có</p> | <p>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.</p> <p>- Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.</p> |
| 2 | <p>Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước. Mã TTHC: 1.013857</p> <p><i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 10 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh</i></p> | <p>40,5 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)</p> <p><i>(Rút ngắn 4,5 ngày so với quy định)</i></p> | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế)</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.</p> | <p>Phí: 28.500.000 đồng.</p> <p>Lệ phí: không có</p> | <p>- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá</p> <p>- Luật An toàn thực phẩm;</p> <p>- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP</p> |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----------|---|---|--|-------|---|
| | <i>Hòa)</i> | | | | <p>ngày 12/6/2025 của Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 67/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| II | Lĩnh vực Bảo trợ xã hội | | | | |
| 3 | <p>Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội</p> <p>Mã TTHC: 2.000286</p> <p><i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 18 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i></p> | <p>09 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ</p> <p>(Rút ngắn 01 ngày so với quy định)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Quyết định số 2072/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|------------|--|---|--|-------|---|
| | | | | | Y tế. |
| 4 | Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh. Mã TTHC: 2.000477 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 19 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | 06 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ <i>(Rút ngắn 01 ngày so với quy định)</i> | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | Không | |
| 5 | Thủ tục Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội. Mã TTHC: 1.013817 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 21 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | 4,5 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ <i>(Rút ngắn 0,5 ngày so với quy định)</i> | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | Không | - Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| III | Lĩnh vực Dược phẩm | | | | |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----------|--|---|--|---|---|
| 6 | Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc Mã TTHC: 1.014069 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 27 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | 4,5 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ. (Rút ngắn 0,5 ngày so với quy định) | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | Không | Luật Dược. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược. Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ. Thông tư số 31/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Quyết định 2257/QĐ-BYT ngày 08/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| IV | Lĩnh vực Phòng bệnh | | | | |
| 7 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm. Mã TTHC: 1.013865 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 50 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | - Trường hợp 1: Có thẩm định tại phòng xét nghiệm: 25 ngày làm việc (Rút ngắn 02 ngày so với quy định) - Trường hợp 2: Không thẩm định tại phòng xét nghiệm: 15 ngày làm việc (Rút ngắn 02 ngày so với quy định) | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 4.500.000 đồng Từ ngày 01/01/2027 trở đi: 9.000.000 đồng | - Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|---|--|
| | | | | | - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |
| 8 | <p>Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế</p> <p>Mã TTHC: 1.01387</p> <p><i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 55 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i></p> | <p>09 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ</p> <p>(Rút ngắn 01 ngày so với quy định)</p> | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế)</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.</p> | <p>Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 1.250.000 đồng</p> <p>Từ ngày 01/01/2027 trở đi: 2.500.000 đồng</p> | <p>- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/08/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> |
| 9 | <p>Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu</p> <p>Mã TTHC: 1.013875</p> <p><i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 59 được Công bố tại</i></p> | <p>13 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ</p> <p>(Rút ngắn 02 ngày so với quy định)</p> | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế)</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh</p> | <p>Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 1.000.000 đồng</p> <p>Từ ngày 01/01/2027 trở đi: 2.000.000 đồng</p> | <p>- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ.</p> |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|--|--|---|
| | <i>Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | | Khánh Hòa. | | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |
| 10 | <p>Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III. Mã TTHC: 1.013878 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 60 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i></p> | <p>25 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ. (Rút ngắn 02 ngày so với quy định)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | <p>Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 4.500.000 đồng Từ ngày 01/01/2027 trở đi: 9.000.000 đồng</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|---|--|--|--|
| | | | | | - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính |
| 11 | Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ Mã TTHC: 1.01388 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 62 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | 13 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ (Rút ngắn 02 ngày so với quy định) | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 1.000.000 đồng Từ ngày 01/01/2027 trở đi: 2.000.000 đồng | - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ. Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ. |
| 12 | Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng Mã TTHC: 1.013881 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 63 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-</i> | 13 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ (Rút ngắn 02 ngày so với quy định) | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 1.000.000 đồng Từ ngày 01/01/2027 trở đi: 2.000.000 đồng | - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/08/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|--|--|---|
| | <i>UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | | | | |
| 13 | Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu Mã TTHC: 1.013883 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 64 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | 13 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ (Rút ngắn 02 ngày so với quy định) | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 1.000.000 đồng Từ ngày 01/01/2027 trở đi: 2.000.000 đồng | |
| 14 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn. Mã TTHC: 1.013884 | - Trường hợp 1: Có thẩm định tại phòng xét nghiệm: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp | Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 4.500.000 đồng Từ ngày 01/01/2027 trở đi: 9.000.000 đồng | - Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ. |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|--|--|--|
| | <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 65 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | (Rút ngắn 02 ngày so với quy định) - Trường hợp 2: Không thẩm định tại phòng xét nghiệm: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. (Rút ngắn 02 ngày so với quy định) | xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | | - Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/08/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |
| 15 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất. Mã TTHC: 1.013893 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 72 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | - Trường hợp 1: Có thẩm định tại phòng xét nghiệm: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. (Rút ngắn 02 ngày so với quy định) - Trường hợp 2: Không thẩm định tại phòng xét nghiệm: 15 ngày | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 4.500.000 đồng Từ ngày 01/01/2027 trở đi: 9.000.000 đồng | - Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/08/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|----------|--|--|--|---|--|
| | | làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. (Rút ngắn 02 ngày so với quy định) | | | - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |
| V | Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh | | | | |
| 16 | Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành Mã TTHC: 1.012256 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 84 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | 13 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ (Rút ngắn 02 ngày so với quy định) | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | Không | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh - Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ - Quyết định 2045/QĐ-BYT ngày 23/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| 17 | Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia | 13 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ (Rút ngắn 02 ngày so với quy định) | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) | - Trường hợp (1) giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ. |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|---|--|---|--|
| | truyền. Mã TTHC: 1.012272 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 91 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | | - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | 96/2023/NĐ-CP; - Trường hợp (8) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh: 150.000; - Các trường hợp còn lại: 430.000 (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề) | - Quyết định số 2976/QĐ-BYT ngày 07/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| 18 | Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS Mã TTHC: 1.012281 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 98 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | 13 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ (Rút ngắn 02 ngày so với quy định) | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | Không | - Luật Khám, chữa bệnh - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ. |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|--|--|
| 19 | <p>Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng</p> <p>Mã TTHC: 1.01229</p> <p><i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 100 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i></p> | <p>13 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ</p> <p>(Rút ngắn 02 ngày so với quy định)</p> | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế)</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.</p> | <p>Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026:</p> <p>- Trường hợp (1) hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;</p> <p>- Trường hợp (2) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp thay đổi một trong các thông tin về họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân đối với người hành nghề Việt Nam; số hộ chiếu và quốc tịch đối với người hành nghề nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều 131 Nghị định số</p> | <p>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/08/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p> <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|-------------|---------------------|--------------------|---|----------------|
| | | | | <p>96/2023/NĐ-CP;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp (12) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Trường hợp (15) người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 khi bị mất hoặc hư hỏng; - Trường hợp (16) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 khi thay đổi một trong các thông tin về họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân đối với | |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|-------------|---------------------|--------------------|--|----------------|
| | | | | <p>người hành nghề Việt Nam; số hộ chiếu và quốc tịch đối với người hành nghề nước ngoài;</p> <p>- Trường hợp (17) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề bị thu hồi chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 29 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12. Thời gian từ ngày thu hồi chứng chỉ hành nghề đến ngày đề nghị được cấp giấy phép hành nghề không quá 24 tháng): 75.000 đồng;</p> <p>- Các trường hợp còn lại: 215.000 đồng</p> <p>(Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi</p> | |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|-------------|---------------------|--------------------|---|----------------|
| | | | | <p>của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)</p> <p>Từ ngày 01/01/2027 trở đi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp (1) hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; - Trường hợp (2): Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp thay đổi một trong các thông tin về họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân đối với người hành nghề Việt Nam; số hộ chiếu và quốc tịch đối với người hành nghề | |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|-------------|---------------------|--------------------|--|----------------|
| | | | | <p>nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp (12) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Trường hợp (15) người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01/01/2024 khi bị mất hoặc hư hỏng; - Trường hợp (16) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 khi thay đổi một trong các thông tin về họ và tên; ngày, | |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|-------------|---------------------|--------------------|--|----------------|
| | | | | <p>tháng, năm sinh; số định danh cá nhân đối với người hành nghề Việt Nam; số hộ chiếu và quốc tịch đối với người hành nghề nước ngoài;</p> <p>- Trường hợp (17) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề bị thu hồi chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 29 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12. Thời gian từ ngày thu hồi chứng chỉ hành nghề đến ngày đề nghị được cấp giấy phép hành nghề không quá 24 tháng): 150.000;</p> <p>- Các trường hợp còn lại: 430.000.</p> | |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|---|---|
| | | | | (Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề) | |
| 20 | <p>Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng</p> <p>Mã TTHC: 1.012292</p> <p><i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 102 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i></p> | <p>15 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ</p> <p>(Rút ngắn 02 ngày so với quy định)</p> | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sờ Y tế)</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.</p> | <p>Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 215.000 đồng</p> <p>Từ ngày 01/01/2027 trở đi: 430.000 đồng</p> | <p>- Luật Khám, chữa bệnh.</p> <p>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 59/2023/TT- BTC ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p> <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|------------|---|--|--|-------|--|
| VI | Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội | | | | |
| 21 | Hỗ trợ văn hóa học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân Mã TTHC: 2.001661 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 4 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | 08 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ (Rút ngắn 01 ngày so với quy định) | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | Không | - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Quyết định số 2179/QĐ-BYT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| VII | Lĩnh vực Trẻ em | | | | |
| 22 | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em Mã TTHC: 1.004946 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 134 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | Trong thời hạn 10 giờ từ khi nhận thông tin trẻ em được xác định có nguy cơ hoặc đang bị tổn hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm (Rút ngắn 02 giờ so với quy định) | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | Không | - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. - Quyết định số 1095/QĐ-BYT ngày 01/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|----------|---|--|--|--|---|
| I | Lĩnh vực An toàn thực phẩm | | | | |
| 1 | <p>Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế</p> <p>Mã TTHC: 1.013855</p> <p><i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 1 được Công bố tại Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 12/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i></p> | <p>17 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.</p> <p>(Rút ngắn 03 ngày so với quy định)</p> | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế).</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.</p> | <p>- Phí:</p> <p>+ Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng/lần/cơ sở.</p> <p>+ Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở</p> <p>- Lệ phí: không có</p> | <p>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội.</p> <p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế.</p> <p>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.</p> |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----------|---|---|---|-------|---|
| | | | | | <p>- Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.</p> <p>- Quyết định số 937/QĐ-SYT ngày 18/11/2025 của Giám đốc Sở Y tế về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.</p> |
| II | Lĩnh vực Bảo trợ xã hội | | | | |
| 2 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội. Mã TTHC: 2.000286 | 9 ngày làm việc (Rút ngắn 01 ngày so với quy định) | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) | Không | - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ. |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|---|--|-------|---|
| | <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 4 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | | - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | | - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ. |
| 3 | Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội. Mã TTHC: 2.000477 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 6 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i> | 06 ngày làm việc <i>(Rút ngắn 01 ngày so với quy định)</i> | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. | Không | - Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Quyết định số 2072/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| III | Lĩnh vực trẻ em | | | | |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|---|---|-------|---|
| 4 | <p>Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt</p> <p>Mã TTHC: 2.001947</p> <p><i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 12 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</i></p> | <p>06 ngày làm việc</p> <p>(Rút ngắn 01 ngày so với quy định)</p> | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế)</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.</p> | Không | <p>- Luật Trẻ em.</p> <p>- Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 2082/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế</p> |
| 5 | <p>Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em</p> <p>Mã TTHC: 2.001944</p> <p><i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 14 được Công bố tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch UBND</i></p> | <p>13 ngày làm việc</p> <p>(Rút ngắn 02 ngày so với quy định)</p> | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế)</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.</p> | Không | <p>Luật Trẻ em.</p> <p>Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.</p> |

| STT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận | Phí | Căn cứ pháp lý |
|------------|------------------------|----------------------------|---------------------------|------------|--|
| | <i>tỉnh Khánh Hòa)</i> | | | | - Quyết định số 2082/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế |